

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-10-2019

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Chí Công.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1970.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 bà Trần Thị Thu V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2019 nguyên đơn bà Trần Thị Thu V trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do thường xuyên xúc phạm lẫn nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa

án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Trong quá trình chung sống bà và ông N có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Văn N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông N vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thu V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Thu V là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu V. Ông Nguyễn Văn Đức là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu V và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà V và ông N không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thu V và ông Nguyễn Văn N.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Thị Thu V và ông Nguyễn Văn N có hai người con chung Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng để lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Trần Thị Thu V và ông Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà V phải chịu 300.000đ, bà V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thu V và ông Nguyễn Văn N.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Trần Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019335 ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Trần Thị Thu V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều